

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 3 - 2018
Về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Anh Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Thanh
2. Ông Nguyễn Ngọc Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 28/3/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 213/2017/TLST- HNGĐ ngày 20/12/2017 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/3/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thu Th; sinh năm: 1989

Địa chỉ: Thôn 4 Tân Sơn, xã Thành K, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đình K; sinh năm: 1990

Địa chỉ: Thôn 4 Tân Sơn, xã Thành K, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị Th và anh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 27/11/2017, trong bản tự khai đề ngày 20/12/2017 và trong phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa, chị Th trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đình K kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 15/10/2013 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Thạch L, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận được một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra bất đồng, cãi cọ và xúc phạm lẫn nhau. Cuộc sống kéo dài khiến cho cả hai đều cảm thấy mệt mỏi. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài thêm được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh K.

- Về con cái: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Đức D, sinh ngày 06/5/2014. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Chị làm công nhân, có thu nhập trung bình

5.000.000đ (Năm triệu đồng)/tháng nên có đủ điều kiện trực tiếp nuôi con mà không cần anh K cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 22/01/2018, trong phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa, anh K trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Trần Thu Th kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 15/10/2013 tại UBND xã Thạch L, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận được một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, luôn bất đồng quan điểm trong lối sống và trong sinh hoạt hàng ngày nên thường xuyên cãi cọ lẫn nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa nên anh cũng đồng ý ly hôn chị Th.

- Về con cái: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Đức D, sinh ngày 06/5/2014. Ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Bản thân anh làm nghề lao động tự do, thu nhập trung bình khoảng 4.000.000đ (Bốn triệu đồng)/tháng nên có đủ điều kiện trực tiếp nuôi con mà không cần chị Th cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về hôn nhân: Chị Trần Thu Th và anh Nguyễn Đình K kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 15/10/2013 tại UBND xã Thạch L, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận được một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, luôn bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi cọ và xúc phạm lẫn nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được. Việc này cả chị Th và anh K đều thừa nhận và cũng được các cấp chính quyền xã Thành K xác nhận. Nay cả chị Th và anh K đều yêu cầu được ly hôn, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, nghĩ nên căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị Th được ly hôn anh K.

[2]. Về con cái: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Đức D, sinh ngày 06/5/2014. Ly hôn, cả chị Th và anh K đều yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, hiện tại cháu D đang còn nhỏ, rất cần sự chăm sóc của mẹ. Hơn nữa, chị Th đi làm công nhân còn anh K lao động tự do nên thu nhập của chị Th ổn định hơn so với anh K. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị Th, giao cháu D cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Th.

[4]. Về tài sản: Chị Th và anh K không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Chị Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 147 BLTTDS; Điều 6; điểm a, khoản 1 Điều 24; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trần Thu Th được ly hôn anh Nguyễn Đình K.

2. Về con cái: Giao con chung là cháu Nguyễn Đức D, sinh ngày 06/5/2014 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Th. Anh K có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thu Th chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền chị Th đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự Thạch Thành, theo biên lai số: AA/2015/0002167 ngày 19/12/2017. Chị Th đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị Th và anh K. Chị Th và anh K có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- VKSND Thạch Thành;
- UBND xã Thạch L;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Anh Đức